

NGHIÊN CỨU VÀ HỌC TẬP

SỰ TÁC ĐỘNG CỦA Ý THỨC XÃ HỘI ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG NGUỒN LỰC CON NGƯỜI TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ VÙNG TÂY BẮC

HÀ DŨNG HẢI (*)

Bài viết phân tích những tác động tích cực và tiêu cực của ý thức xã hội đối với việc xây dựng nguồn lực con người trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng Tây Bắc. Theo tác giả, việc làm rõ vấn đề này là cơ sở để xây dựng các giải pháp nhằm phát triển nguồn lực con người, bảo đảm sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở vùng này.

Vùng Tây Bắc Việt Nam là nơi sinh sống của hơn 20 dân tộc thiểu số, có tiềm năng đa dạng về đất đai, tài nguyên rừng, khoáng sản, bản sắc văn hoá..., có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của cả nước, đặc biệt là đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị của cả nước nói chung, của vùng này nói riêng. Vì vậy, để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng Tây Bắc, một trong những nhiệm vụ quan trọng là phải tìm ra các nguồn lực cũng như những nhân tố ảnh hưởng, tác động đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng này. Trong những nguồn lực ấy, ý thức xã hội vùng Tây Bắc với tính cách cái phản ánh tồn tại xã hội và tác động trở lại tồn tại xã hội, là động lực tinh thần trực tiếp nhất.

Ý thức xã hội có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển xã hội. Vì vậy, để đưa Tây Bắc ra khỏi tình trạng đói nghèo, tránh nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các vùng khác, chúng ta cần phải vận dụng đúng đắn và sáng tạo nguyên

lý tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, ý thức xã hội có tính độc lập tương đối và tác động trở lại tồn tại xã hội theo cả chiều hướng tích cực và tiêu cực.

Vậy, ý thức xã hội vùng Tây Bắc là gì? Ý thức xã hội vùng Tây Bắc là những tư tưởng, quan điểm, lý luận cùng những tình cảm, tâm trạng, truyền thống, thói quen, sở thích... của các dân tộc sinh sống ở khu vực tự nhiên có tính chất đặc thù với phần lớn diện tích đất đai là đồi, núi, địa hình dốc, độ chia cắt phức tạp; lấy sản xuất nông nghiệp ở thung lũng và nương rẫy làm chủ đạo. Một mặt, nó được hình thành trực tiếp từ chính tồn tại xã hội vùng Tây Bắc và luôn biến đổi cùng với sự vận động, phát triển của xã hội; mặt khác, là sự du nhập ý thức xã hội của các vùng miền khác, khu vực khác vào vùng Tây Bắc, được cộng đồng cư dân Tây Bắc tiếp nhận và thâm nhập, hoà quyện, tác động qua lại với ý thức xã

(*) Ban Tuyên giáo Trung ương.

hội vốn có của vùng này, trở thành bộ phận cấu thành của ý thức xã hội vùng Tây Bắc hiện nay.

Sự tác động của ý thức xã hội vùng Tây Bắc đối với công nghiệp hoá, hiện đại hoá vùng này diễn ra trên nhiều lĩnh vực, trong đó vừa có tác động tích cực vừa có những tác động tiêu cực. Trong khuôn khổ bài viết này, bước đầu chúng tôi chỉ đánh giá *sự tác động của ý thức xã hội vùng Tây Bắc đối với việc xây dựng nguồn lực con người, yếu tố quyết định nhất của lực lượng sản xuất, trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá vùng này.*

1. Những tác động tích cực

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một quá trình cải biến lao động thủ công, lạc hậu thành lao động sử dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại nhằm phát triển lực lượng sản xuất và thúc đẩy hình thành cơ cấu kinh tế mới, hợp lý để đạt tới năng suất lao động xã hội cao; công nghiệp hóa gắn liền với hiện đại hóa dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ. Như vậy, một trong những mục tiêu hàng đầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là nhằm phát triển lực lượng sản xuất.

Lực lượng sản xuất bao gồm người lao động và tư liệu sản xuất. Trong đó, con người đóng vai trò chủ thể, tích cực, sáng tạo và quyết định nhất. Kinh nghiệm của các nước trong khu vực đã chỉ ra rằng, sự tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao trong những thập kỷ qua gắn chặt với chiến lược phát triển nguồn lực con người. Thực tế những năm xây

dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta cũng cho thấy, việc đầu tư vốn, kỹ thuật và công nghệ sẽ không có hiệu quả nếu không có những con người có trình độ quản lý cũng như năng lực làm chủ các phương tiện kỹ thuật và công nghệ. Vì vậy, Đảng ta đã "lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cho sự phát triển nhanh, bền vững"(1), coi việc nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực con người Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nói đến nguồn lực con người, người ta thường nói đến mặt số lượng và chất lượng. Nhưng yếu tố quan trọng nhất trong nguồn lực con người là ở chất lượng. Chất lượng nguồn lực đó là "người lao động có trí tuệ cao, có tay nghề thành thạo, có phẩm chất tốt đẹp, được đào tạo, bồi dưỡng và phát huy bởi một nền giáo dục tiên tiến gắn liền với một nền khoa học, công nghệ hiện đại"(2).

Phát triển con người toàn diện, từ đó thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển là một nhiệm vụ to lớn, đòi hỏi phải tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó ý thức xã hội với tư cách một trong những động lực của sự phát triển xã hội có vai trò quan trọng đối với việc phát huy tính tích cực và năng động, sáng tạo của con người. Có thể nói, sau yếu tố lợi ích, ý thức xã hội, nhất là tâm lý xã hội là yếu tố rất quan trọng tác

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.85.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.9.

động mạnh đến niềm tin, ý chí, động cơ, tinh thần và thái độ làm việc của người lao động. Sở dĩ tâm lý xã hội có vai trò quan trọng vì nó là hiện tượng gần gũi với con người, tác động thường xuyên tới con người, nó không chỉ tác động đến lý trí mà còn tác động đến tình cảm con người. Ý thức xã hội vùng Tây Bắc đã góp phần quan trọng tạo dựng môi trường tâm lý xã hội thuận lợi để nuôi dưỡng và phát huy tính tích cực của người lao động. Sự tác động tích cực của ý thức xã hội vùng Tây Bắc đối với người lao động thể hiện trên nhiều mặt, nhưng theo chúng tôi, nó được biểu hiện rõ rệt trên hai mặt:

Một là, nâng cao ý thức lý luận khoa học, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình rộng lớn và phức tạp, nó không chỉ thể hiện qua các chỉ số khoa học - kỹ thuật - công nghệ hay kinh tế - kỹ thuật, mà quan trọng hơn là nó bảo đảm cho xã hội phát triển như một chỉnh thể toàn vẹn (kinh tế - xã hội, vật chất - tinh thần), trên cơ sở giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, vì tiến bộ xã hội và phát triển con người toàn diện. Để thực hiện thành công quá trình này đòi hỏi phải có nguồn nhân lực có tri thức, trí tuệ, được giáo dục, trang bị ý thức lý luận, tức những tư tưởng, quan điểm xã hội mang tính hệ thống hoá, được xây dựng bởi tư duy lý luận. Nếu chỉ dựa vào tri thức kinh nghiệm thì quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa không thể thành công dù có nỗ lực với ý chí và tình cảm cao đến đâu. Chỉ có dựa

trên một hệ thống ý thức lý luận bằng sự hiểu biết đối tượng trong mối liên hệ phổ biến và trong sự vận động, phát triển của nó, thông qua đó mà vận dụng đúng đắn quy luật khách quan để đạt được những lợi ích theo nguyện vọng của mình, thúc đẩy lịch sử phát triển thì công nghiệp hóa, hiện đại hóa mới thành công. C.Mác đã từng khẳng định: "Vũ khí của sự phê phán cố nhiên không thể thay thế được sự phê phán của vũ khí, lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bằng lực lượng vật chất; nhưng lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất một khi nó thâm nhập vào quần chúng"(3).

Đối với đồng bào Tây Bắc, do lực lượng sản xuất chưa phát triển, môi trường tự nhiên không thuận lợi cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; trình độ dân trí thấp, mọi hoạt động xưa nay chủ yếu dựa vào thói quen, kinh nghiệm... lại càng đòi hỏi phải được trang bị và được dẫn dắt bởi một hệ thống lý luận khoa học. Không có ý thức lý luận khoa học dẫn đường sẽ không có sự hoạt động sáng tạo, không biết phát huy những tiềm năng, thế mạnh của địa phương mình, vùng mình. Áp dụng, học tập các mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa một cách máy móc tất yếu sẽ dẫn đến thất bại.

Vậy, ý thức xã hội vùng Tây Bắc đã tác động như thế nào đối với việc xây dựng, nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động?

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.1. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.580.

Như đã phân tích ở trên, kết cấu ý thức xã hội vùng Tây Bắc bao gồm các yếu tố của ý thức xã hội được hình thành trực tiếp từ chính tồn tại xã hội vùng Tây Bắc và các yếu tố của ý thức xã hội từ vùng khác, khu vực khác du nhập vào, được đồng bào các dân tộc vùng Tây Bắc từng bước tiếp nhận và thâm nhập, ảnh hưởng, tác động qua lại với ý thức xã hội vốn có, trở thành bộ phận quan trọng cấu thành nên ý thức xã hội vùng Tây Bắc hiện nay. Trong sự du nhập ý thức xã hội của vùng khác, khu vực khác vào vùng Tây Bắc thì hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, hệ ý thức luận khoa học được biểu hiện cụ thể thành các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước là rõ nét nhất và có vai trò quan trọng trong việc xây dựng đội ngũ người lao động có tri thức. Các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước nói chung, cũng như các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc - miền núi nói riêng được xây dựng, phổ biến, được tiếp nhận và triển khai trong thực tế đã góp phần quan trọng trong việc trang bị và nâng cao trình độ, tri thức cho người lao động vùng Tây Bắc. Nó giúp khắc phục được tâm lý, tư duy sản xuất dựa vào kinh nghiệm, cường điệu hoá vai trò của tình cảm, ý chí, những yếu tố thuộc lĩnh vực tâm lý xã hội. Nó đã từng bước tạo nên sự chuyển biến trong tâm lý, ý thức của một bộ phận người dân Tây Bắc từ tự ti, khép kín, bảo thủ, ngại tìm tòi và sáng tạo sang tư duy lý luận, nắm được tri thức khoa học - kỹ thuật hiện đại, hiểu quy luật của nền kinh tế thị trường, của

công nghiệp hoá, hiện đại hoá và có khả năng tự chủ trong hoạt động thực tiễn.

Các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về giáo dục - đào tạo, về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ cho vùng dân tộc, miền núi; những chính sách miễn giảm học phí, cấp không giấy viết, sách giáo khoa; cử tuyển, ưu tiên điểm cho học sinh là con em đồng bào dân tộc thiểu số vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp... được thực thi trên thực tế đã góp phần quan trọng phát triển giáo dục vùng Tây Bắc. Năm 2006, toàn vùng Tây Bắc (theo phạm vi chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Tây Bắc) có 1.832 trường mầm non; 2.577 trường tiểu học, 2.529 trường trung học cơ sở và 369 trường trung học phổ thông. Hiện nay, trên địa bàn các tỉnh vùng Tây Bắc có 9 trường đại học, 27 trường cao đẳng, 51 trường trung học chuyên nghiệp và 5 cơ sở đào tạo dự bị đại học. Trong 5 năm (2001-2006), quy mô học sinh trung học chuyên nghiệp tăng bình quân khoảng 22,5%/năm. Các địa phương đã cử tuyển được 2.553 chỉ tiêu đại học và cao đẳng. Trong 5 năm (2000-2005), đội ngũ giáo viên các cấp của các tỉnh trong vùng đã được bổ sung đáng kể về số lượng và nâng cao về chất lượng: số lượng giáo viên mẫu giáo tăng hơn 20%; giáo viên trung học cơ sở tăng xấp xỉ 31%; giáo viên trung học phổ thông tăng khoảng 56,4%(4).

(4) *Tây Bắc đổi mới và phát triển*, Tạp chí Cộng sản, 2008, tr.73.

Sự nghiệp giáo dục từng bước phát triển đã đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng, đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng Tây Bắc.

Cùng với những chính sách phát triển giáo dục – đào tạo, chính sách ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật cho vùng Tây Bắc đã đem lại những hiệu quả tích cực đối với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng này. Hàng trăm mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và chuyển giao công nghệ đã được xây dựng, như tăng cường năng lực sản xuất lương thực, thực phẩm tại chỗ trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học về giống cây trồng, vật nuôi; các biện pháp chăm sóc, bảo vệ, xây dựng và phát triển vốn rừng theo quy mô hộ gia đình; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng tăng vụ, tăng hiệu quả kinh tế... đã giúp cho đồng bào các dân tộc Tây Bắc tiếp cận dần với tiến bộ khoa học – công nghệ, cách làm ăn mới có hiệu quả kinh tế cao hơn, từng bước xoá bỏ tư duy kinh tế tự cung, tự cấp để chuyển sang tư duy kinh tế thị trường.

Có thể khẳng định rằng, dưới sự tác động của những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, chất lượng nguồn nhân lực của vùng Tây Bắc đã có bước phát triển đáng kể so với trước đây, tạo nên tảng quan trọng để xây dựng nguồn nhân lực tại chỗ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá vùng này trong thời gian tới.

Hai là, góp phần xây dựng nhân cách lành mạnh cho người lao động

Thực tế cho thấy, sự tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa lên sự phát triển nhân cách là có tính hai mặt. Bên cạnh việc tạo ra điều kiện cho con người trở nên năng động hơn, sáng tạo hơn, duy lý hơn, có cá tính hơn..., công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng đang gây ra những hiệu ứng xấu. Đó là làm suy yếu mối liên hệ giữa cá nhân và cộng đồng. Việc chạy theo lợi ích cá nhân quá mức đã chia rẽ con người với con người, con người với xã hội, từ đó dẫn tới sự thiếu vắng mối đồng cảm, sự quan tâm đến người khác. Thiếu đi những tình cảm này, con người cá nhân trở nên cô đơn, trơ lì, vô cảm trước những đau khổ và hạnh phúc của đồng loại. Tính vô cảm là một trong những nguy cơ gây chia rẽ con người trong xã hội hiện đại. Mặt khác, trong thời đại toàn cầu hóa, bảng giá trị định hướng cho hoạt động nhân cách cũng có xu hướng bị đồng nhất hóa. Lối sống chủ nghĩa thực dụng, tâm lý tiêu thụ, sự sùng bái đồng tiền, quyền lực... đã xuất hiện. Kết quả là sự phát triển nhân cách của con người vừa bị méo mó, vừa trở nên nghèo nàn, đơn điệu, mất đi sự phong phú của bản sắc dân tộc và phong cách riêng.

Tuy nhiên, ở vùng Tây Bắc, ý thức cộng đồng cao của cộng đồng các dân tộc, nhất là ý thức dòng họ, ý thức tộc người vẫn là một trong những nhân tố quan trọng tạo nên sự tương trợ, cố kết mọi thành viên của cộng đồng, tạo thành sức mạnh trong sản xuất và chiến đấu, đảm bảo sự ổn định và an toàn xã hội, sự che chở, đùm bọc giữa

các thành viên trong đời sống vật chất và tinh thần, làm cho mỗi người dân cảm thấy yên ổn, được quan tâm, tránh được cảm giác cô đơn. Một tâm lý cộng đồng bền chặt với một quan hệ cộng đồng lành mạnh, tích cực là điều kiện cho mỗi cá nhân yên tâm lao động sản xuất, học hành... Ý thức cộng đồng cao của các dân tộc Tây Bắc nếu phát huy được những mặt tích cực sẽ góp phần tạo dựng môi trường tâm lý xã hội thuận lợi để phát huy năng lực cá nhân. Luôn có ý thức cao về cộng đồng cũng là cơ sở để nâng cao ý thức trách nhiệm công dân, lòng tự hào, tự tôn dân tộc của những người dân Tây Bắc trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển nền kinh tế thị trường và toàn cầu hoá hiện nay có thể dẫn đến tình trạng gia tăng lối sống thực dụng, suy giảm ý thức công dân, trách nhiệm đạo đức và nảy sinh hàng loạt tệ nạn xã hội, như tham nhũng, bạo lực, tội phạm và những hiện tượng xuống cấp đạo đức khác. Những giá trị tốt đẹp trong các luật tục, hương ước của đồng bào các dân tộc Tây Bắc đã góp phần quan trọng vào việc hạn chế những tác động tiêu cực từ mặt trái của nền kinh tế thị trường, khắc phục sự lệch pha giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, giữa việc nâng cao mức sống với việc phát triển hài hòa thể giới tinh thần, nhân cách con người.

Một nét đặc trưng trong ý thức xã hội của đồng bào các dân tộc Tây Bắc là phẩm chất cần cù, chịu khó. Đây là nét tính cách quan trọng và cần phải có của

con người trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá Tây Bắc. Trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay, vùng Tây Bắc vẫn là vùng chậm phát triển nhất, đời sống của đồng bào còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao so với các vùng khác và so với cả nước. Vì vậy, cần cù, chịu khó vẫn luôn là một giá trị truyền thống, một đức tính cần phải có của mỗi người dân Tây Bắc trên con đường phát triển. Trong quá trình hội nhập với nền kinh tế chung của cả nước và từng bước hội nhập vào nền kinh tế thế giới, toàn cầu hoá, nhiều người dân Tây Bắc đã nhận thức rõ sự nghèo nàn, lạc hậu của làng, bản mình, của dân tộc mình, của vùng mình, từ đó phát huy đức tính cần cù, chịu khó, cố gắng vươn lên làm giàu cho bản thân và cho đất nước.

2. Những tác động tiêu cực

Tác động của ý thức xã hội vùng Tây Bắc đối với việc xây dựng nguồn lực con người trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng này không chỉ là những tác động tích cực, mà còn có những tác động tiêu cực.

Thứ nhất, tác động tiêu cực của tâm lý đề cao thái quá tính cộng đồng.

Sự tuyệt đối hoá ý thức cộng đồng sẽ dẫn đến sự thiên lệch, đó là đề cao thái quá “cái cộng đồng” trong tương quan với “cái cá nhân”, thiếu một sự cân bằng hợp lý giữa “cái cá nhân” và “cái cộng đồng” trong cách nhìn nhận, đánh giá con người. Trong bản, làng cổ truyền, sự khẳng định về cái tôi cá nhân, về nhân cách độc lập (có những quyền tự do cá nhân và có cá tính) ở những người

dân rất kém. Người dân bản ít khi xưng “tôi” mà luôn hoà tan mình vào các mối quan hệ cộng đồng dòng họ, bản làng, tộc người. Trong các bản, làng xưa nay, con người không được phép và không có thói quen chú ý quá nhiều đến hạnh phúc và tự do của cá nhân. Đặc điểm tâm lý này trên thực tế không chỉ tồn tại ở vùng Tây Bắc mà tồn tại ở cả nông thôn Việt Nam, dù hiện nay đã có những biến đổi tích cực hơn nhưng vẫn chưa làm thay đổi căn bản tâm lý này. Vì thế, nó vẫn bám vào họ một cách bền chặt, dai dẳng và có tác động tiêu cực đến sự phát triển nguồn lực con người trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Tâm lý đề cao thái quá “cái cộng đồng” trong tương quan với “cái cá nhân” là một trong những nguồn gốc của tâm lý dựa dẫm, ỷ lại vào cộng đồng, tâm lý “an phận thủ thường”, thụ động, kém ý chí vươn lên. Ở Tây Bắc, tâm lý ỷ lại, thiếu ý chí vươn lên, chỉ trông chờ vào sự giúp đỡ của Nhà nước còn tồn tại trong một bộ phận không nhỏ người dân. Môi trường tâm lý đó không khuyến khích sự phát triển tính tích cực, năng động, sáng tạo của các cá nhân, không kích thích sự say mê học tập để nâng cao trình độ, kiến thức của người dân Tây Bắc. Đó là những trở lực đối với việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá – sự nghiệp mà luôn đòi hỏi con người phải là những nhân cách độc lập, có tính quyết đoán, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, tích cực, năng động, sáng

tạo. Nó cũng là nguyên nhân lý giải tại sao trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực ở vùng này còn thấp so với bình quân chung của cả nước. Hiện tỷ lệ số người không đi học ở vùng Tây Bắc là 26,8%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông trong mấy năm gần đây của nhiều tỉnh trong vùng luôn ở nhóm thấp nhất trong cả nước; tỷ lệ thí sinh trúng tuyển vào các trường đại học và cao đẳng hàng năm còn rất thấp, bình quân 9-10% tổng số thí sinh dự thi, có tỉnh chỉ đạt 4-5%(5). Theo kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thuỷ sản năm 2006, người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động phân theo trình độ chuyên môn vùng Tây Bắc như sau: số lao động nông thôn chưa qua đào tạo, không có bằng, chứng chỉ chuyên môn chiếm tới 95,02%; lao động nông nghiệp chưa qua đào tạo là 98,58%. Số lao động nông thôn có bằng sơ cấp công nhân kỹ thuật chỉ đạt 1,44% còn lao động nông nghiệp là 0,71%. Số lao động nông thôn có bằng trung cấp chiếm 2,38% và lao động nông nghiệp là 0,62%. Lao động nông thôn có bằng cao đẳng là 0,78% và lao động nông nghiệp là 0,06%. Số lao động nông thôn có trình độ đại học trở lên là 0,38% và lao động nông nghiệp là 0,03%.

Tâm lý đề cao thái quá “cái cộng đồng” cũng làm nảy sinh tâm lý bình quân. Nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi thành viên trong dòng họ, bản làng đều có tính bình quân và được quy định trong các luật tục, quy ước.

(5) *Tây Bắc đổi mới và phát triển*, Sdd., tr.75.

Thứ hai, sự tác động tiêu cực của tâm lý khép kín, giao tiếp trong phạm vi hẹp.

Một đặc trưng của ý thức xã hội vùng Tây Bắc, nhất là trong truyền thống, là tâm lý khép kín, giao tiếp trong phạm vi hẹp, chủ yếu trong dòng họ, bản làng, trong cộng đồng tộc người. Trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế, nét tâm lý này đã có những biến đổi theo chiều hướng tích cực. Mỗi quan hệ, giao tiếp đã mở rộng ra các vùng miền khác, kể cả bên ngoài quốc gia. Tuy nhiên, sự biến đổi đó chưa phải là phổ biến, chưa sâu rộng. Hiện tâm lý khép kín, giao tiếp trong phạm vi hẹp vẫn còn phổ biến ở nhiều bản, làng, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng cao và tác động tiêu cực đến sự phát triển nguồn nhân lực.

Khép kín trong mối quan hệ nội gia, các bản, làng đã tồn tại gần như một "ốc đảo" tạo nên tính biệt lập của bản, làng, từ đó làm nảy sinh trong người dân tập quán, lối sống "tự do" theo luật tục, lệ làng, ít quen với pháp luật, thậm chí coi nhẹ pháp luật, làm giảm hiệu quả quản lý của Nhà nước. Nó là trở lực đối với việc nâng cao ý thức pháp luật, ý thức công dân mới của mỗi người dân bản làng. Mặt khác, nó tạo cho người dân tư tưởng cục bộ, địa phương chủ nghĩa, đặt lợi ích của dòng họ mình, bản làng mình, tộc người mình lên cao hơn dòng họ, bản làng, tộc người khác, thậm chí cao hơn lợi ích của đất nước.

Thứ ba, tác động tiêu cực của tâm lý thích đông con, nhiều cháu.

Một trong những đặc điểm trong tâm lý của các dân tộc Tây Bắc là thích đông

con, nhiều cháu. Tâm lý này được hình thành và duy trì bởi cho đến nay, ở nhiều nơi trong vùng, gia đình vẫn là đơn vị kinh tế cơ bản, con người là sức lao động, đồng thời cũng là của cải. Mọi hoạt động sản xuất của gia đình hầu như vẫn dựa chủ yếu vào sức cơ bắp và sự cần cù của con người, vì thế nhu cầu muốn có nhiều nhân lực cho hoạt động sản xuất của gia đình đã dẫn đến tình trạng kết hôn sớm và làm tăng tỷ lệ sinh đẻ trong các gia đình.

Chính tâm lý thích đông con, nhiều cháu đã dẫn đến sự bùng nổ dân số của nhiều dân tộc thiểu số, khiến tỷ lệ dân số tăng nhanh. Trong khi đó, do kinh tế chậm phát triển; các dịch vụ xã hội, như y tế, giáo dục, văn hoá, thông tin còn thấp kém dẫn đến tình trạng con cái được sinh ra ít có điều kiện để chăm sóc đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần, gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nhân lực vùng này.

Vì thế, nếu tâm lý tiêu cực này không được xoá bỏ thì việc xây dựng, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá khó thực hiện thành công chứ chưa nói tới yêu cầu xây dựng, đào tạo đội ngũ chuyên gia giỏi.

Sự tác động của ý thức xã hội vùng Tây Bắc đến xây dựng nguồn lực con người vùng này bao gồm cả tác động tích cực và tiêu cực. Việc đánh giá thực trạng sự tác động này là cơ sở quan trọng để xây dựng các giải pháp nhằm phát triển lực lượng sản xuất, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá vùng Tây Bắc Việt Nam. □